

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10
(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	7 - 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2019	10 - 11
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2019	12 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2019 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 (sau đây viết tắt là "Công ty") hoạt động theo **Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần** do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Mã số doanh nghiệp **0 3 1 3 1 5 9 9 3 7**, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 3 năm 2015. Công ty đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và đã nhận được các Giấy xác nhận của Phòng đăng ký kinh doanh ngày 13 tháng 6 năm 2016 và ngày 29 tháng 9 năm 2017 .

Vốn điều lệ : 15.000.000.000 Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Thương mại, Dịch vụ

Trụ sở chính

Địa chỉ: Số 187 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 38720567

Fax: 028 38720568

Mã số thuế: 0 3 1 3 1 5 9 9 3 7

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

- | | | |
|--------|-------------------|----------------------------|
| 1. Ông | Phan Huỳnh Tùng | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 2. Ông | Vũ Trung Tá | Thành viên |
| 3. Ông | Ngô Thanh Liêm | Thành viên |
| 4. Ông | Nguyễn Trường Sơn | Thành viên |
| 5. Ông | Đặng Văn Dũng | Thành viên |
| 6. Bà | Bùi Thị Hiền Thơm | Thư ký |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban kiểm soát

- | | | |
|--------|-----------------------|------------|
| 1. Ông | Tổng Văn Thanh | Trưởng ban |
| 2. Ông | Nguyễn Tuấn Kiệt | Thành viên |
| 2. Bà | Nguyễn Thị Thùy Trang | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

- | | | |
|--------|-------------------|---|
| 2. Ông | Vũ Trung Tá | Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của công ty |
| 2. Ông | Ngô Thanh Liêm | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. Ông | Nguyễn Trường Sơn | Phó Tổng Giám đốc |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại TP.HCM thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2019 kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 37.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kế toán 2019 kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty



Tổng Giám đốc - Vũ Trung Tá

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Số: 2009.01/2020/BCKT-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2019 kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2020, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2019 kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Giám đốc - Võ Công Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số : 0486-2018-124-1

Kiểm toán viên – Huỳnh Hữu Phước

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số : 1786-2018-124-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		33.005.877.187	28.547.224.102
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		2.892.504.481	1.292.963.421
111	1. Tiền	V.1	2.892.504.481	1.292.963.421
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	704.559.691
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	704.559.691
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		29.631.258.707	25.577.815.015
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	26.644.226.807	21.736.471.273
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	1.000	1.912.678.800
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	4.224.597.301	3.130.573.943
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(1.237.566.401)	(1.201.909.001)
140	IV. Hàng tồn kho		166.547.076	166.547.076
141	1. Hàng tồn kho	V.6	166.547.076	166.547.076
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		315.566.923	805.338.899
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7	315.566.923	805.338.899
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.980.760.499	15.276.872.233
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		32.131.200	929.960.100
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.8	32.131.200	929.960.100
220	II. Tài sản cố định		6.601.792.753	11.054.456.920
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	5.568.242.906	9.990.712.205
222	- Nguyên giá		18.822.787.104	23.170.808.946
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.254.544.198)	(13.180.096.741)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	1.033.549.847	1.063.744.715
228	- Nguyên giá		1.177.600.000	1.177.600.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(144.050.153)	(113.855.285)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.253.206.869	2.999.043.852
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.11	2.099.390.052	2.903.227.035
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	153.816.817	95.816.817
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		93.629.677	293.411.361
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.13	93.629.677	293.411.361
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		41.986.637.686	43.824.096.335

CÔNG TY CP QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		18.323.348.742	22.145.941.853
310	I. Nợ ngắn hạn		18.323.348.742	18.801.113.519
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	8.521.281.024	6.773.320.742
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	2.254.008.832	3.293.930.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	4.311.438.113	3.320.660.179
314	4. Phải trả người lao động	V.17	552.730.000	1.035.409.111
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	15.683.861	606.104.484
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19	2.500.000.000	3.032.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	168.206.912	739.689.003
330	II. Nợ dài hạn		-	3.344.828.334
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.21	-	3.344.828.334
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		23.663.288.944	21.678.154.482
410	I. Vốn chủ sở hữu		23.663.288.944	21.678.154.482
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.22.1	15.000.000.000	15.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	V.22.2	1.390.000	1.390.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	V.22.3	3.242.596.654	1.777.401.654
421	4. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.22.4	5.419.302.290	4.899.362.828
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		16.870.828	15.378.589
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		5.402.431.462	4.883.984.239
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		41.986.637.686	43.824.096.335

TP.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đào Thị Thanh

Nguyễn Thị Mỹ Lan

Vũ Trung Tá

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.23	68.275.873.354	56.662.671.990
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		68.275.873.354	56.662.671.990
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.24	54.334.353.938	45.287.236.259
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.941.519.416	11.375.435.731
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.25	34.724.057	62.491.993
22	7. Chi phí tài chính	VI.26	539.191.860	297.642.339
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		539.191.860	297.642.339
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.27	7.195.911.271	4.571.005.151
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.241.140.342	6.569.280.234
31	11. Thu nhập khác	VI.28	4.937.450.170	92.113.636
32	12. Chi phí khác	VI.29	4.343.208.310	411.833.279
40	13. Lợi nhuận khác		594.241.860	(319.719.643)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.835.382.202	6.249.560.591
51	15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.30	1.432.950.740	1.332.278.774
60	16. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		5.402.431.462	4.917.281.817
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.31	3.241	2.627

TP.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đào Thị Thanh



Nguyễn Thị Mỹ Lan



Vũ Trung Tá

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6.835.382.202	6.249.560.591
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	V.9; 10	1.489.146.651	1.521.163.712
03	- Các khoản dự phòng	VI.27	35.657.400	71.433.600
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(794.758.416)	(69.414.603)
06	- Chi phí lãi vay	VI.26	539.191.860	297.642.339
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		8.104.619.697	8.070.385.639
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.191.272.192)	(1.917.889.609)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		803.836.983	(2.562.855.993)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(3.121.533.233)	2.915.111.575
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		689.553.660	(438.204.658)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(520.318.010)	(282.977.081)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.16	(1.341.035.956)	(1.298.406.285)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.548.279.091)	(44.397.578)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(124.428.142)	4.440.766.010
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(679.178.182)	(751.061.962)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	VI.28	4.636.363.636	95.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(704.559.691)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		704.559.691	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.25	34.724.057	62.491.993
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.696.469.202	(1.298.129.660)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	1. Tiền thu từ đi vay	V.19	8.890.706.815	2.232.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	V.19	(9.422.706.815)	(2.701.857.893)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.22.5	(2.440.500.000)	(1.896.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.972.500.000)	(2.365.857.893)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.599.541.060	776.778.457
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	1.292.963.421	516.184.964
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	2.892.504.481	1.292.963.421

TP.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đào Thị Thanh

Nguyễn Thị Mỹ Lan

Vũ Trung Tá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2019 của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa số 10, sau đây viết tắt là "Công ty".

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần (Nhà nước nắm giữ 51% Vốn điều lệ)

Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại, Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Quản lý, bảo trì đường thuỷ nội địa;
- Sản xuất lắp đặt báo hiệu đường thuỷ;
- Nạo vét sông, kênh, san lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình giao thông, thuỷ lợi, dân dụng;
- Dịch vụ cơ khí, đóng mới, sửa chữa phương tiện thuỷ;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng phương tiện thuỷ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, các Chi nhánh, Xí nghiệp công ty bao gồm:

1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Bình Đức

Địa chỉ: Số 377, Ấp 5, Xã Thạnh Đức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Điện thoại: 0272 3871 7766

Mã số Chi nhánh: 0 3 1 3 1 5 9 9 3 7 - 0 0 1

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Phước Đông

Địa chỉ: Số 70, Ấp 7, Xã Phước Đông, Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An, Việt Nam

Điện thoại: 0272 3881 027

Mã số Chi nhánh: **0 3 1 3 1 5 9 9 3 7 - 0 0 2**

3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Đức Huệ

Địa chỉ: Số 1A, Khu phố 1, Tỉnh lộ 822, Thị trấn Đông Thành, Huyện Đức Huệ, Tỉnh Long An, Việt Nam

Điện thoại: 0272 3854 764

Mã số Chi nhánh: **0 3 1 3 1 5 9 9 3 7 - 0 0 3**

4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Phú Cường

Địa chỉ: Số 526, Đường Huỳnh Văn Cù, Phường Chánh Mỹ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3827 861

Mã số Chi nhánh: **0 3 1 3 1 5 9 9 3 7 - 0 0 4**

5. Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Biên Hoà

Địa chỉ: Số 148/1/8, đường Châu Văn Lông, KP Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251 3831 747

Mã số Chi nhánh: **0 3 1 3 1 5 9 9 3 7 - 0 0 5**

6. Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa Trị An

Địa chỉ: Khu phố 8, Thị trấn Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251 3860 084

Mã số Chi nhánh: **0 3 1 3 1 5 9 9 3 7 - 0 0 6**

7. Địa điểm kinh doanh - Xí nghiệp Đảm bảo An toàn Giao thông

Địa chỉ: 438/6 Đào Sư Tích, Ấp 4, Xã Phước Lộc, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan đến giá thành sản phẩm công trình hoặc giá thành theo giá khoán nội bộ.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp: Nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp: Kê khai thường xuyên.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35
- Máy móc và thiết bị	8 - 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 - 16

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng. Thời gian tính khấu hao của Tài sản cố định vô hình tối đa là 20 năm, trường hợp vượt 20 năm thì phải có bằng chứng tin cậy và xác định được.

TSCĐ vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất, được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế. Nguyên giá Quyền sử dụng đất (QSDĐ) được xác định gồm có: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí xây dựng các công trình trên đất). Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao trong 39 năm (từ ngày 13 tháng 3 năm 2015 đến ngày 25 tháng 9 năm 2053).

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trên Bảng Cân đối kế toán, chi phí trả trước được trình bày theo tiêu chí trả trước ngắn hạn và dài hạn. Chi phí trả trước ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý.

10. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý. Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Trích lập các quỹ

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- d. Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên Thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này phản ánh lãi cơ bản trên cổ phiếu, chưa tính đến các công cụ được phát hành trong tương lai có khả năng pha loãng giá trị cổ phiếu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (tử số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong niên độ kế toán (mẫu số).

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày tại Khoản 3, Mục VII- Thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	ĐVT: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	85.872.677	97.572.586
- Tiền gửi ngân hàng	2.806.631.804	1.195.390.835
Cộng	2.892.504.481	1.292.963.421

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	11.701.615.683	6.790.566.325
- Chi Cục Đường thủy nội địa Phía Nam	-	3.698.996.218
- Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 2 (*)	2.988.941.104	2.988.941.104
- Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu (*)	2.689.141.200	1.539.233.200
- Công ty Cổ phần Đầu tư cầu Mỹ Lợi (*)	1.531.237.600	1.531.237.600
- Công ty Cổ phần Đồng Tâm	1.405.910.187	349.050.064
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý đường sông số 2 tại Phía Nam (*)	1.071.489.314	951.489.314
- Công ty TNHH MTV 319.2 (*)	980.369.000	980.369.000
- Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy nội địa số 11	918.979.000	-
- Công ty TNHH MTV 508	829.090.000	829.090.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng NASACO	587.993.768	-
- Phòng quản lý đô thị Thành phố Biên Hòa	-	573.491.000
- Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP	539.665.500	499.054.497
- Ban QLDA - ĐTXD Công trình Giao thông Tỉnh Hậu Giang	290.704.000	-
- Các đối tượng khác	1.109.090.451	1.004.952.951
Cộng	26.644.226.807	21.736.471.273

(*) Các khoản phải thu liên quan đến các công trình phải chờ quyết toán Ngân sách Nhà nước nên chậm thu hồi.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

- Công ty TNHH Lâm Đạt SG	-	862.678.800
- DNTN Sản xuất Thương mại Dịch vụ A Cửa	-	850.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Giang Hoàng Phát	-	200.000.000
- Doanh nghiệp tư nhân Bình Giang	1.000	-
Cộng	1.000	1.912.678.800

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

4. Phải thu ngắn hạn khác

- Tạm ứng	251.849.000	33.329.000
+ Cao Văn Kim	68.394.000	-
+ Nguyễn Ngọc Tiến	39.000.000	-
+ Ngô Thanh Liêm	30.885.000	-
+ Nguyễn Trường Sơn	30.871.000	-
+ Nguyễn Thoại Châu	30.000.000	-
+ Vũ Văn Phú	28.329.000	28.329.000
+ Đỗ Hoàng Giang	19.370.000	-
+ Nguyễn Thị Hòa	5.000.000	5.000.000
- Ký quỹ, ký cược (*)	3.566.394.988	2.397.072.956
- Phải thu khác	406.353.313	700.171.987
+ Đào Thị Thanh	263.661.500	308.661.500
+ Đặng Văn Dũng	-	267.586.267
+ Phải thu thuế TNCN của người lao động	142.691.813	93.328.180
+ Công ty CP Thiết kế Xây dựng Thương mại Dịch vụ Miền Nam	-	30.596.040
Cộng	4.224.597.301	3.130.573.943

(*) Các khoản ký quỹ để bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Các khoản ký quỹ này được thể hiện trên các Thư bảo lãnh của Ngân hàng có thời hạn bảo lãnh dưới 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty TNHH MTV 508	829.090.000	(829.090.000)	829.090.000	(829.090.000)
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Vận tải và Xếp dỡ Đường thủy Nội địa	180.871.401	(180.871.401)	180.871.401	(180.871.401)
- Công ty TNHH SX TM DV XD XNK Đức Phú Thịnh	118.858.000	(118.858.000)	118.858.000	(83.200.600)
- Công ty CP Xây dựng công trình đường sắt 796	108.747.000	(108.747.000)	108.747.000	(108.747.000)
Cộng	1.237.566.401	(1.237.566.401)	1.237.566.401	(1.201.909.001)

	Số cuối năm	Số đầu năm
6. Hàng tồn kho	166.547.076	166.547.076

Giá gốc của công cụ dụng cụ tồn kho cuối năm.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

- Công cụ dụng cụ	20.492.650	52.824.386
- Chi phí nhiên liệu, vật tư tại các Trạm	295.074.273	752.514.513
Cộng	315.566.923	805.338.899

8. Phải thu dài hạn khác	32.131.200	929.960.100
---------------------------------	-------------------	--------------------

Phải thu dài hạn khác là các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn (để bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng) có thời hạn trên 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

9. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhóm TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá						
- Số đầu năm		4.695.092.021	741.923.245	17.733.793.680	-	23.170.808.946
- Mua trong năm					549.818.182	549.818.182
- Đầu tư XDCB hoàn thành		362.993.579	-	-	-	362.993.579
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	(5.260.833.603)	-	(5.260.833.603)
- Số cuối năm		5.058.085.600	741.923.245	12.472.960.077	549.818.182	18.822.787.104
Giá trị hao mòn						
- Số đầu năm		2.230.883.644	505.315.845	10.443.897.252	-	13.180.096.741
- Khấu hao trong năm		236.621.326	51.307.776	1.107.963.256	63.059.425	1.458.951.783
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	(1.384.504.326)	-	(1.384.504.326)
- Số cuối năm		2.467.504.970	556.623.621	10.167.356.182	63.059.425	13.254.544.198
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm		2.464.208.377	236.607.400	7.289.896.428	-	9.990.712.205
- Tại ngày cuối năm		2.590.580.630	185.299.624	2.305.603.895	486.758.757	5.568.242.906
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng						
- Tại ngày đầu năm		-	151.224.560	2.966.514.508	-	3.117.739.068
- Tại ngày cuối năm		164.722.076	432.073.154	3.331.914.508	-	3.928.709.738

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 513, tờ bản đồ số 16, ấp 4, Xã Phước Lộc, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời hạn sử dụng đến ngày 25 tháng 9 năm 2053.

Công ty đang thực hiện các thủ tục pháp lý để chuyển đổi quyền sở hữu tài sản.

Tình hình tài sản cố định vô hình như sau:

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm	Số cuối năm
- Nguyên giá	1.177.600.000	-	1.177.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	(113.855.285)	(30.194.868)	(144.050.153)
- Giá trị còn lại	1.063.744.715	(30.194.868)	1.033.549.847

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu - QL60	-	2.308.256.793
- Đảm bảo an toàn giao thông thủy trong quá trình thi công các cầu tỉnh Hậu Giang	1.309.906.043	180.479.998
- Đảm bảo an toàn giao thông đường thủy Trung Lương - Mỹ Thuận	248.248.686	-
- Cung cấp và lắp đặt biển báo hiệu ĐTNĐ đường dây 500KV NĐ Long Phú- Ô Môn	169.321.969	169.321.969
- Đèn báo giao thông thủy Cầu An Hòa	135.660.360	-
- Điều tiết cầu Đồng Nai năm 2018	89.613.902	89.613.902
- Sản xuất, lắp đặt phao báo hiệu đường thủy nội địa thi công cầu Ông Cày	86.619.881	86.619.881
- Các công trình khác	60.019.211	68.934.492
Cộng	2.099.390.052	2.903.227.035

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Chi phí mua sắm tài sản cố định	86.916.813	86.916.813
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	66.900.004	8.900.004
Cộng	153.816.817	95.816.817

13. Chi phí trả trước dài hạn **93.629.677** **293.411.361**

Chi phí trả trước dài hạn là Công cụ dụng cụ. Thời gian phân bổ chi phí từ 13 đến 36 tháng.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Vận tải Cửu Long (*)	2.441.944.400	1.982.030.000
- Doanh nghiệp tư nhân Trương Hoàng Công	1.448.706.600	862.391.200
- Công ty TNHH SX Thương mại Cơ khí Trí Trung	1.423.718.176	133.133.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Đông Nam Long	656.300.000	874.700.000
- Công ty TNHH Hải Nam	606.903.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và San lấp mặt bằng Tùng Lâm	-	462.000.000
- Công ty TNHH MTV Quang Liêm	199.209.160	449.506.150
- Công ty TNHH SX Thiết bị điện Hoàng Oanh	442.860.000	-
- Doanh nghiệp tư nhân Xăng dầu Phát Huệ	-	427.915.000
- Công ty CP Thiết kế XD TM Dịch vụ Miền Nam	-	336.556.444
- Công ty TNHH SX Cơ khí Và Xây dựng Hồng Hà	320.796.937	-
- Công ty TNHH MTV XD TM DV Rạch Chiếc	-	284.600.000
- Doanh nghiệp tư nhân Hồng Đào	162.100.080	242.588.000
- Công ty TNHH TMDV Phương Phương Anh	182.000.000	182.000.000
- Doanh nghiệp tư nhân Năm Lâu	173.508.942	107.192.818
- Các đối tượng khác	463.233.729	428.708.130
Cộng	8.521.281.024	6.773.320.742

(*) Là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

- Ban QLDA - ĐTXD Công trình Giao thông Tỉnh Hậu Giang	-	2.906.125.000
- Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	1.888.417.000	-
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn CIENCO4	141.291.832	-
- Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 2	100.000.000	100.000.000
- Công ty TNHH Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng Hồng Đức	64.300.000	64.300.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 72	60.000.000	60.000.000
- Các đối tượng khác	-	163.505.000
Cộng	2.254.008.832	3.293.930.000

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiêu	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	2.212.719.662	3.727.812.605	2.905.284.878	3.035.247.389
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	924.854.156	1.432.950.740	1.341.035.956	1.016.768.940
- Thuế Thu nhập cá nhân	183.086.361	350.527.055	274.191.632	259.421.784
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	165.706.388	165.706.388	-
- Lệ phí môn bài	-	9.000.000	9.000.000	-
Cộng	3.320.660.179	5.685.996.788	4.695.218.854	4.311.438.113

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10%

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên Thu nhập tính thuế.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
17. Phải trả người lao động	552.730.000	1.035.409.111

Tiền lương và các khoản thu nhập thuộc quỹ lương còn phải trả cho người lao động.

Quỹ lương trong năm được trích theo định mức tiền lương (nhân công) của các hạng mục, dự án, công trình hoàn thành trong năm.

18. Phải trả ngắn hạn khác

- Cao Văn Phúc	-	145.769.350
- Nguyễn Quốc Hưng	-	427.037.556
- Đặng Thanh Phong	-	33.297.578
- Hồ Ngọc Nghĩa	15.683.861	-
Cộng	15.683.861	606.104.484

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Vay trong năm</u>	<u>Trả nợ vay trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	1.032.000.000	2.670.706.815	(3.702.706.815)	-
- Vay các cá nhân (*)	2.000.000.000	6.220.000.000	(5.720.000.000)	2.500.000.000
+ <i>Đặng Thanh Phong</i>	2.000.000.000	1.500.000.000	(2.500.000.000)	1.000.000.000
+ <i>Đỗ Ngọc Tú</i>	-	2.750.000.000	(2.250.000.000)	500.000.000
+ <i>Nguyễn Thị Hòa</i>	-	170.000.000	(170.000.000)	-
+ <i>Nguyễn Thị Ngọc Bích</i>	-	800.000.000	(800.000.000)	-
+ <i>Bùi Thị Hiền Thơm</i>	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Cộng	3.032.000.000	8.890.706.815	(9.422.706.815)	2.500.000.000

(*) Khoản vay các cá nhân có thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất 12%/năm, dùng để thanh toán các chi phí cho hoạt động sản xuất của Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

20. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập từ lợi nhuận (*)	Chuyển từ quỹ phúc lợi sang quỹ khen thưởng	Chi trong năm	Số cuối năm
- Quỹ khen thưởng	454.773.208	732.597.750	270.000.000	1.380.700.000	76.670.958
- Quỹ phúc lợi	284.915.795	244.199.250	(270.000.000)	167.579.091	91.535.954
Cộng	739.689.003	976.797.000	-	1.548.279.091	168.206.912

(*) Tham chiếu Thuyết minh Báo cáo tài chính số V.22.4

	Số cuối năm	Số đầu năm
21. Phải trả dài hạn khác	-	3.344.828.334

Số dư đầu năm là khoản phải trả ông Đặng Văn Dũng theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 11.14/HĐHTKD ngày 25 tháng 11 năm 2015 (PLHĐ số 03.03/PLHĐ ngày 13/3/2017; PLHĐ số 10.01-1/PLHĐ ngày 01/10/2017; PLHĐ số 11.23/PLHĐ ngày 24/11/2018).

Các bên sẽ hợp tác hoán cải tàu Đồng Nai 10BH10 từ tàu sông (SI) nâng cấp lên tàu kéo sông pha biển (SB); sau hoàn thành sẽ giao cho ông Dũng quyền quản lý, sử dụng khai thác. Tổng chi phí đầu tư: 5.574.713.890 đồng, trong đó Công ty góp 40%; Ông Đặng Văn Dũng góp 60%.

Sau khi hoàn tất công tác hoán cải tàu Đồng Nai 10BH10 từ tàu sông (SI) nâng cấp lên tàu kéo sông pha biển (SB), Công ty đồng ý giao cho ông Dũng quyền quản lý, sử dụng khai thác. Hàng tháng ông Dũng có trách nhiệm thanh toán cho Công ty một khoản phí không thấp hơn 1%/tháng trên tổng số tiền góp của Công ty (tương đương 12%/năm) mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh khai thác của ông Dũng.

Trong năm, Công ty đã thanh lý hợp đồng này theo Biên bản Quyết toán và thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01 tháng 10 năm 2019. Hai bên thống nhất thanh lý bán tàu Trường Sa 10 và giá trị thu về sau khi trừ các chi phí liên quan sẽ được phân chia theo tỷ lệ vốn góp tài sản cụ thể như sau:

Giá trị thanh lý tài sản : 5.100.000.000 đồng (Đã bao gồm Thuế giá trị gia tăng)

Chi phí thanh lý : 792.000 đồng

Giá trị thu về : 5.099.208.000 đồng

Trong đó: *Phân chia Công ty 40% tương đương 2.039.683.200 đồng;*

Phân chia ông Dũng 60% tương đương 3.059.524.800 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

Khoản vốn đã góp của ông Dũng: **3.344.828.334 đồng**Lãi từ chênh lệch thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty: **285.303.534 đồng****22. Vốn chủ sở hữu (CSH)**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Năm trước				
22.1. Vốn góp của CSH	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
22.2. Thặng dư vốn cổ phần	1.390.000	-	-	1.390.000
22.3. Quỹ đầu tư phát triển	639.203.420	1.138.198.234	-	1.777.401.654
22.4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.708.375.645	4.917.281.817	3.726.294.634	4.899.362.828
Cộng	19.348.969.065	6.055.480.051	3.726.294.634	21.678.154.482
Năm nay				
22.1. Vốn góp của CSH	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
22.2. Thặng dư vốn cổ phần	1.390.000	-	-	1.390.000
22.3. Quỹ đầu tư phát triển	1.777.401.654	1.465.195.000	-	3.242.596.654
22.4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.899.362.828	5.402.431.462	4.882.492.000	5.419.302.290
Cộng	21.678.154.482	6.867.626.462	4.882.492.000	23.663.288.944

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

22.1 Vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình vốn góp của các cổ đông như sau:

	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) góp vốn	Số tiền
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC)	765.000	51,00%	7.650.000.000
- Công ty TNHH Vận tải Cửu Long	150.000	10,00%	1.500.000.000
- Ông Vũ Trung Tá	121.500	8,10%	1.215.000.000
- Ông Đào Việt Hà	75.000	5,00%	750.000.000
- Ông Hồ Ngọc Nghĩa	24.700	1,65%	247.000.000
- Ông Cao Văn Phúc	22.700	1,51%	227.000.000
- Ông Ngô Thanh Liêm	16.300	1,09%	163.000.000
- Ông Nguyễn Trường Sơn	12.000	0,80%	120.000.000
- Các cổ đông khác (94 cổ đông)	312.800	20,85%	3.128.000.000
Cộng	1.500.000	100,00%	15.000.000.000

Cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 Đồng/CP

Số lượng cổ phiếu lưu hành: 1.500.000 cổ phần

Cổ tức

Chi trả cổ tức năm 2018: 2.440.500.000 Đồng

22.3 Quỹ đầu tư phát triển

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	1.777.401.654	639.203.420
- Trích từ lợi nhuận năm trước (*)	1.465.195.000	1.138.198.234
- Số cuối năm	3.242.596.654	1.777.401.654

(*) Tham chiếu Thuyết minh Báo cáo tài chính số V.22.4

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

22.4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (CPP)

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lợi nhuận CPP năm trước	4.899.362.828	3.708.375.645
- Phân phối lợi nhuận của năm trước	(4.882.492.000)	(3.692.997.056)
+ Quỹ khen thưởng	(732.597.750)	(379.399.411)
+ Quỹ phúc lợi	(244.199.250)	(279.399.411)
+ Quỹ đầu tư phát triển	(1.465.195.000)	(1.138.198.234)
+ Chia cổ tức	(2.440.500.000)	(1.896.000.000)
- Lợi nhuận CPP năm trước chuyển năm nay	16.870.828	15.378.589
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	5.402.431.462	4.917.281.817
- Phân phối lợi nhuận năm nay	-	(33.297.578)
Phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh	-	(33.297.578)
- Lợi nhuận CPP lũy kế chuyển năm sau	5.419.302.290	4.899.362.828

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	ĐVT: VND	
	Năm nay	Năm trước
23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hóa	5.977.698.592	4.520.591.946
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	62.115.729.580	51.874.493.777
- Doanh thu hợp tác kinh doanh	182.445.182	267.586.267
Cộng	68.275.873.354	56.662.671.990
24. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.713.402.000	4.437.348.000
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	49.620.951.938	40.849.888.259
Cộng	54.334.353.938	45.287.236.259
25. Doanh thu hoạt động tài chính	34.724.057	62.491.993
Khoản lãi tiền gửi ngân hàng.		

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

26. Chi phí tài chính	539.191.860	297.642.339
Khoản chi phí lãi tiền vay.		
27. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	3.356.716.279	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	224.676.455	329.558.260
- Chi phí khấu hao TSCĐ	680.524.890	753.733.966
- Thuế, phí và lệ phí	174.706.388	174.706.388
- Chi phí dự phòng	35.657.400	71.433.600
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.275.043.874	2.053.919.670
- Chi phí bằng tiền khác	1.448.585.985	1.187.653.267
Cộng	7.195.911.271	4.571.005.151
28. Thu nhập khác		
- Thu từ hoạt động thanh lý tài sản cố định (*)	4.636.363.636	86.363.636
- Thu nhập từ thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	285.303.534	-
- Thu nhập khác	15.783.000	5.750.000
Cộng	4.937.450.170	92.113.636
(*) Tham chiếu Thuyết minh Báo cáo tài chính số V.21		
29. Chi phí khác		
- Chi phí thanh lý tài sản cố định (*)	3.876.329.277	79.441.026
- Các khoản tiền phạt	213.176.631	217.571.443
- Chi phí khác	253.702.402	114.820.810
Cộng	4.343.208.310	411.833.279

(*) Giá trị còn lại của tàu Trường Sa 10 được thanh lý theo Thuyết minh Báo cáo tài chính số V.21

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

30. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.835.382.202	6.249.560.591
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	329.371.499	411.833.279
- Tổng thu nhập tính thuế	7.164.753.701	6.661.393.870
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>1.432.950.740</u>	<u>1.332.278.774</u>

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

- Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.402.431.462	4.917.281.817
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(540.243.146)	(976.796.848)
- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.862.188.316	3.940.484.969
- Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.500.000	1.500.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.241</u>	<u>2.627</u>

(*) Tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 10% trên lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 18 tháng 4 năm 2019 về chi tiết kế hoạch tài chính năm 2019.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về báo cáo bộ phận**a. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

b. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của công ty là duy trì luồng tuyến, lắp đặt bảng báo giao thông, đảm bảo giao thông thủy.

Ngoài ra, Công ty còn có phát sinh doanh thu bán cát và doanh thu từ hoạt động hợp tác kinh doanh tàu Trường Sa. Tuy nhiên, doanh thu từ những hoạt động này chiếm tỷ trọng dưới 10% tổng doanh thu trong năm. Hoạt động hợp tác kinh doanh đã chấm dứt từ ngày 01 tháng 10 năm 2019. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

3. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Phan Huỳnh Tùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vũ Trung Tá	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Ngô Thanh Liêm	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Dũng	Thành viên HĐQT
Công ty TNHH Vận tải Cửu Long	Cổ đông (10%)

Số dư đầu năm các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	VND
Ông Đặng Văn Dũng	Phải thu lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	267.586.267
Cộng nợ phải thu		267.586.267
Ông Đặng Văn Dũng	Phải trả tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh về việc hoán cải tàu Đồng Nai 10BH10	3.344.828.334
Công ty TNHH Vận tải Cửu Long	Phải trả chi phí thuê tàu, máy phát điện, ca nô, nhà nổi	1.982.030.000
Cộng nợ phải trả		5.326.858.334

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

Giao dịch với các bên liên quan:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	VND
Ông Vũ Trung Tá	Thu nhập từ tiền lương, thưởng, thù lao	500.500.625
Ông Ngô Thanh Liêm	Thu nhập từ tiền lương, thưởng, thù lao	458.322.725
	Chi tạm ứng	175.000.000
	Thu hồi tạm ứng	144.115.000
Ông Nguyễn Trường Sơn	Thu nhập từ tiền lương, thưởng, thù lao	435.730.175
	Chi tạm ứng	55.371.000
	Thu hồi tạm ứng	24.500.000
Ông Đặng Văn Dũng	Phải thu lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	200.689.700
	Thu tiền lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	100.000.000
	Bù trừ công nợ hợp đồng hợp tác kinh doanh	368.275.967
	Hoàn trả phần vốn góp hợp tác kinh doanh	2.691.248.833
Công ty TNHH Vận tải Cửu Long	Phải trả tiền thuê tàu, máy phát điện, nhà nổi, ca nô	5.326.740.279
	Thanh toán chi phí thuê tàu, máy phát điện, nhà nổi, ca nô	4.866.825.879

Tại ngày kết thúc năm tài chính, khoản phải thu, phải trả với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	VND
- Ông Ngô Thanh Liêm	Phải thu tạm ứng	30.885.000
- Ông Nguyễn Trường Sơn	Phải thu tạm ứng	30.871.000
Cộng nợ phải thu		61.756.000
<hr/>		
- Công ty TNHH Vận tải Cửu Long	Phải trả chi phí thuê tàu, máy phát điện, ca nô, nhà nổi	2.441.944.400
Cộng nợ phải trả		2.441.944.400

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2019

4. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2019

Các văn bản luật ban hành trong năm có hiệu lực trong năm 2019 sau đây:

- Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 10/10/2019 và năm tài chính 2019.
- Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30/9/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 119/2018/NĐ-CP ngày 12/09/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 14/11/2019.

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đào Thị Thanh

Nguyễn Thị Mỹ Lan

Vũ Trung Tá